

Bản án số: 72/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 06-9-2022  
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Trung

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Thị Nhung

Bà Thái Thị Thủy Tiên

**- Thư ký phiên tòa:** bà Đoàn Thị Bích – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** ông Trần Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 179/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 71/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16/8/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Hoàng Bình T, sinh năm: 1977

- *Bị đơn:* chị Phạm Thị N, sinh năm: 1975

Cùng địa chỉ: ấp S, xã X, huyện C, Đồng Nai.

(các đương sự vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn là anh Hoàng Bình T trình bày: anh Hoàng Bình T và chị Phạm Thị N tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân và anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã X theo giấy chứng nhận kết hôn số 64/2019 ngày 06/8/2019.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị N lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhà mà không được sự đồng ý của anh T. Chị N bỏ nhà đi từ tháng 2/2020 cho đến nay. Anh T đã làm đơn yêu cầu tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với chị N nhưng hiện nay không có tin tức của chị N. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- Về con chung: không có.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không có.

\* Bị đơn chị Phạm Thị N đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt.

\* Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ phát biểu ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: cho anh T ly hôn chị N; về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng: anh Hoàng Bình T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên xác định đây là vụ án “Ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), trong đó xác định anh T là nguyên đơn, chị N là bị đơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: anh Hoàng Bình T có đơn xin xét xử vắng mặt và chị N đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng chị N vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[3] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: anh Hoàng Bình T và chị Phạm Thị N đã đăng ký kết hôn và được UBND xã Xuân Mỹ cấp giấy chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Anh T yêu cầu ly hôn chị N vì cho rằng Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị N lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhà mà không được sự đồng ý của anh T. Chị N bỏ nhà đi từ tháng 2/2020 cho đến nay. Anh T đã làm đơn yêu cầu tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với chị N nhưng hiện nay không có tin tức của chị N. Chị N vắng mặt nên không có lời khai về mâu thuẫn vợ chồng. Nhận thấy, anh T và chị N ly thân từ năm 2020 đến nay, anh T đã tìm kiếm chị N nhưng không có tin tức của chị N. Do đó, anh chị không có khả năng hàn gắn được tình cảm vợ chồng nên mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cho anh T ly hôn với chị N.

[4] Về con chung: không có.

[5] Về tài sản chung: Anh T khai không có nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: anh T khai không có và cũng không ai yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của BLTTDS; Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:** chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Bình T.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho anh Hoàng Bình T ly hôn chị Phạm Thị N.

2. Về con chung: không có.

3. Về tài sản chung: không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: anh T khai không có và cũng không ai yêu cầu nên không xem xét.

5. Về án phí: anh Hoàng Bình T phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí mà anh T đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001204 ngày 22/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ; anh T đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ theo quy định pháp luật./.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai
- Viện kiểm sát H. Cẩm Mỹ;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- UBND xã X;
- Đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Mai Trung**